

Saeculum-

chu kỳ thời gian và gợi ý cho giáo dục đại học

Võ Minh Tuấn

Khoa Lý luận Chính trị, Học viện Ngân hàng

Một quan niệm mới về tính chất của thời gian: Thời gian không phải tuyến tính, mà là chu kỳ. Sử dụng phương pháp lịch sử và logic, bài viết sẽ khái quát về các truyền thuyết cổ xưa, thuyết Saeculum, và lý thuyết khoa học, từ đó bước đầu phân tích quy luật vận động nội tại của chu kỳ thời gian qua lịch sử, qua thế hệ, và qua vòng đời người; trên cơ sở này, tác giả sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm ứng dụng tính chu kỳ vào giáo dục đại học như: Căn cứ vào đặc điểm thế hệ, chú trọng công nghệ thông tin, khuyến khích học tập độc lập, và nội dung có tính thực tế.

Từ khóa: Saeculum, chu kỳ, thế hệ, giáo dục đại học, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Tính chất của thời gian là gì? Triết học vẫn thường trả lời: tuyến tính, rằng thời gian chỉ có một chiều, đi từ quá khứ, hiện tại, đến tương lai. Song, các truyền thuyết cổ xưa, các nghiên cứu gần đây về thời gian như của Alvin Toffler (1980),

William Strauss và Neil Howe (1991, 1997), Darcie Vandegrift (2015), lại đưa ra đáp án khác: chu kỳ, rằng thời gian đi như những vòng tròn nối tiếp nhau. Việc làm rõ về tính chất của thời gian lại được đặt ra, và đòi hỏi tiếp cận từ một góc độ hoàn toàn mới, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn. Từ đó sẽ góp phần bổ sung

Saeculum- the cycle of time and hints for university education

Abstract A new conception of the nature of time: time is not linear, but cyclical. By using historical and logical methods, the article will give an overview of ancient legends, saeculum theory, and scientific theory, thereby initially analyzing the internal motor laws of time through history, through the generations, and through the life cycles; based on it, the author will make some of proposals to apply cyclicity to university education, such as: base on generation characteristics, focus on information technology, encourage independent learning, and practical content.

Keywords: saeculum, cycles, generation, university education, Vietnam.

Tuan Minh Vo

Email: tuanvm@hvn.edu.vn

Banking Academy of Vietnam

Ngày nhận 04/02/2020

Ngày nhận bản sửa 07/04/2020

Ngày duyệt đăng 17/04/2020

vào quan niệm về thời gian như một thuộc tính khách quan của thế giới vật chất, biến đổi phụ thuộc vào thế giới đó, có tính chu kỳ thay vì tuyến tính. Quan niệm mới ấy sẽ giúp con người nhận thức được về thế giới và về chính mình từ một chiều kích khác: nhìn từ tính chu kỳ của thời gian, của sự nối tiếp thế hệ, của vòng đời người; và đó sẽ là căn cứ để đưa ra một số gợi ý cho việc ứng dụng vào giáo dục đại học hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Lịch sử và logic là một phương pháp kép, được thực hiện bằng cách khái quát lịch sử phát triển của đối tượng nghiên cứu để rút ra quy luật logic nội tại của nó. Theo đó, tác giả sẽ phân tích các quan niệm truyền thống của một số dân tộc, một số tôn giáo từ Đông sang Tây trong lịch sử về tính chu kỳ của thời gian, xem thời gian như vòng tròn chứ không phải đường thẳng, là sự lặp đi lặp lại không ngừng và tự phục hồi thông qua tái sinh ở đạo Phật, đạo Hindu, ở người Maya, người Etrusca, người Trung Hoa, người La Mã, người Hy Lạp... đặc biệt là những lý thuyết khoa học có cùng chủ đề của một số học giả nước ngoài, kế thừa các quan niệm truyền thống về tính chu kỳ, về Saeculum, để khảo sát và xây dựng thành một hệ lý thuyết nhằm mô tả sự phát triển của lịch sử và con người theo hình xoắn ốc; trên cơ sở đó, tác giả sẽ đưa ra một số luận điểm ban đầu về các đặc điểm của thời gian, của thế hệ, và của vòng đời người.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Thời gian không phải một chiều

Thời cổ đại, người Hindu đưa ra khái niệm kalpas (kiếp), một đơn vị thời gian mà

theo họ là rất dài, rằng thời gian giống như một vòng tròn vĩ đại luôn tái diễn. mỗi lần đại diện cho một brahma (thời kỳ) bắt đầu với việc tái tạo, kết thúc. và lại tái tạo; mỗi kiếp đánh dấu một cuộc tái sinh của thế giới. Phật giáo cũng nói về kiếp với ba cấp độ: tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. hàm ý về tính chu kỳ của thời gian vũ trụ, thời gian lịch sử, và thời gian đời người.

Tư tưởng Trung Hoa cổ đại thì bị chi phối bởi ý tưởng về sự lặp lại của thời gian, khi đưa ra thuyết Âm dương Ngũ hành, tư tưởng Dịch về sự thiên biến vạn hóa của muôn sự muôn vật tuần hoàn liên tục theo thời gian.

Với Việt Nam, cũng có một sự quan tâm đến tính chất của thời gian trong truyền thuyết Từ Thức gặp tiên, rằng vào thời Trần Thuận Tông (1388-1398), Từ Thức tới sống nơi tiên giới được một năm, rồi trở về trần gian, thì hóa ra nơi này đã trải qua hơn 80 năm (Nguyễn Dữ).

Các lễ hội văn hóa châu Á đều được tổ chức theo chu kỳ thời gian, nhất là chu kỳ Mặt trăng: tròn- khuyết. Canh tác nông nghiệp cũng theo vòng quay của mùa: xuân- hè- thu- đông. Người ta nhìn nhận sự biến đổi của vũ trụ và con người như một vòng tròn bất tận: sinh- trụ- diệt.

Các triết gia Hy Lạp cổ đại Plato, Aristotle, và Pythagoras thì hình dung con người sống trong những khoảnh khắc quay trở lại một lần nữa, gần giống nhau. Joseph Needham (1965) nhận xét, đối với thời kỳ Hy Lạp- Ấn Độ... thời gian là có tính chu kỳ và vĩnh cửu. Còn G. J. Whitrow thì bình luận rằng ở châu Âu, chừng nào quyền lực còn tập trung vào việc sở hữu đất đai, chừng đó còn cảm thấy thời gian trôi dáo hơn và liên quan đến chu kỳ không thay đổi của đất đai

(dẫn theo Alvin Toffler, 1980).

Đáng chú ý hơn cả là thuyết Saeculum của người Etrusca (thuộc nền văn minh cổ Etruria, nay là vùng Toscana, Ý), được sáng tạo ra vào thế kỷ 9 TCN. Censorinus (234) cho biết, saeculum là khoảng thời gian rất dài của một đời người được xác định từ khi sinh ra đến lúc chết đi. Với người Etrusca, saeculum là đơn vị trung tâm cho lịch sử và vận mệnh của họ, và sáu saeculum trong lịch sử của họ, mỗi saeculum dài khoảng một thế kỷ, trải qua bốn mùa: tăng trưởng, bão hòa, hỗn loạn, tiêu hủy. Thế kỷ 2 TCN, người La Mã tràn tới xứ Etruria, rồi tiếp thu thuyết saeculum, và sử dụng nó để phân kỳ lịch sử của mình qua các biến cố lớn.

Một thiên niên kỷ sau, các học giả thời Phục hưng châu Âu đã tái sinh saeculum dưới cái tên siècle, tiếng Pháp có nghĩa là thế kỷ, hay thời đại, nhưng còn hàm ý về biến đổi chu kỳ và về vòng đời người. Arnold Toynbee (1954) nhận xét, trong hầu như toàn bộ lịch sử loài người, các siècle cho thấy sự luân phiên định kỳ giữa hòa bình và chiến tranh. Sau này, William Strauss và Neil Howe (1997), cùng một số học giả khác, đã sử dụng thuật ngữ saeculum để mô tả thuyết chu kỳ thời gian, vì nó tương ứng với một đời người rất dài, mà đời người thì có lẽ là chu kỳ duy nhất mà người ta không thể né tránh hay thay đổi được.

3.2. Thế hệ là những sự nối tiếp

Tính chu kỳ của thời gian làm nên tính chu kỳ của thế hệ. Về vai trò của thế hệ trong lịch sử, William Strauss và Neil Howe (1991) nhận xét, lịch sử tạo ra các thế hệ, và các thế hệ lại tạo ra lịch sử, còn Arnold Toynbee (1954, tr.319) viết,

“thước đo thời gian sẵn có của nhân loại là độ dài trung bình của cuộc sống có ý thức của một cá nhân con người”, và Anthony Esler (1982, tr.152) thì đánh giá, “trên thực tế, cách tiếp cận thế hệ có thể là một trong các cách tiếp cận lịch sử toàn diện”.

Thế hệ là tập hợp của các cá nhân được sinh ra trong cùng một khoảng thời gian nhất định, mang tính xã hội thay vì tính gia đình. Nghiên cứu về thế hệ nhằm tìm ra các đặc tính chung của một thế hệ, nhưng lưu ý là mỗi cá nhân trong cùng một thế hệ vẫn có những nét riêng, và giữa các thế hệ vẫn có sự đan xen thay vì hoàn toàn tách biệt. Để nhận diện cá tính của một thế hệ, cần căn cứ vào hai thuộc tính: một là, vị thế chung của một thế hệ trong lịch sử, nơi mà một thế hệ tìm thấy mình trên chuỗi thời gian của các sự kiện; hai là, niềm tin và hành vi chung, cho thấy sự khác biệt giữa họ với những người sinh ra ở thời điểm khác.

Hiện nay, theo nghiên cứu của William Strauss và Neil Howe (1997), Darcie Vandegrift (2015), cùng một số tác giả khác, mỗi chu kỳ saeculum đã ngắn hơn trước do nhịp độ của xã hội hiện đại nhanh hơn, còn khoảng 80 năm, tương ứng với bốn thế hệ, mỗi thế hệ trên dưới 20 năm. Sự xê dịch này và cả các mốc thời gian cho từng thế hệ còn tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi khu vực, mỗi quốc gia- dân tộc. Tựu trung, theo các tác giả này, saeculum gần đây nhất gồm bốn thế hệ sau, được đặt tên căn cứ vào đặc điểm nổi bật cũng như thời điểm sinh ra của mỗi thế hệ:

- Thế hệ Bùng nổ (sinh ra trong khoảng 1940- 1959): đây là thế hệ được cha mẹ quan tâm nuôi dưỡng và dạy dỗ, được hưởng một nền hòa bình và một nền kinh tế đang phục hồi, đề cao cái tôi, sự sáng

tạo phá cách. Ở Việt Nam, họ còn chịu ảnh hưởng ít nhiều của thời bao cấp, cần trọng, e ngại, và ít dám đột phá; hiện tại, hầu hết đã lui về hậu trường, một số còn tiếp tục vai trò xã hội của mình, trong đó số ít giữ các vị trí quan trọng.

- Thế hệ X (viết tắt Gen X, 1960- 1979): đây là thế hệ có trình độ học vấn cao, tự chủ, suy nghĩ độc lập, muốn tự tạo dựng sự nghiệp, hầu hết họ đều rất quan tâm đến tương lai của con cái mình. Ở Việt Nam, vì lớn lên trong thời kỳ chiến tranh, nên họ là những người độc lập, có bản lĩnh, can đảm: hiện họ là nguồn nhân lực quan trọng của đất nước, một số giữ trong trách trong nhiều lĩnh vực.

- Thế hệ Y (viết tắt Gen Y, 1980- 1999): đây là thế hệ có điều kiện thuận lợi để phát triển, được giáo dục và có sức khỏe tốt, có nhiều cơ hội, có ý thức xã hội cao, quan tâm đến các vấn đề cộng đồng, có suy nghĩ và lối sống thực tế, sử dụng các thiết bị công nghệ và mạng xã hội. Ở Việt Nam, họ bắt đầu thể hiện rõ nét vai trò của mình, đặc biệt là trong các lĩnh vực đòi hỏi sự nhanh nhạy bắt kịp với xu thế hiện nay như kinh doanh, khoa học công nghệ, tin học...

- Thế hệ Z (viết tắt Gen Z, 2000- 2019): đây là thế hệ của Internet, của công nghệ thông tin ở trình độ cao và đa dạng, cho nên họ có khả năng tiếp cận nhanh và rộng, đa dạng hóa và thay đổi cách giao tiếp, gia tăng tính độc lập cá nhân, thể hiện mình chủ yếu qua các hoạt động hướng ngoại. Ở Việt Nam, họ đa phần còn đang trong quá trình học tập và trưởng thành, đồng thời đang bắt đầu bộc lộ đặc trưng thế hệ của mình.

3.3. Đời người như những vòng xoay

Tính chu kỳ thế hệ tương ứng với vòng đời người. Về mặt sinh học, Jared Diamond (1993, tr.59) nhận xét, “Voi bất cứ loài nào, cũng có thể mô tả đôi điều về thuật ngữ sinh học ‘vòng đời’ của nó”. Về mặt xã hội, William Strauss và Neil Howe (1997, tr.16) khẳng định, “Trong mọi chu kỳ mà nhân loại biết đến, một chu kỳ mà tất cả chúng ta biết rõ nhất chính là *vòng đời con người*”.

Khi nói tới vòng đời người, người ta thường nói đến bốn giai đoạn. Người Bắc Mỹ chia cuộc đời một con người thành bốn ngọn đồi; người Hindu thì coi đó là một hành trình qua bốn *ashramas*, bốn giai đoạn phát triển của tâm linh; người La Mã cũng chia vòng đời người thành bốn: *pueritia* (thơ ấu), *iuventus* (thanh niên), *virilitas* (trưởng thành), và *senectus* (tuổi già).

Hiện nay tuổi thọ trung bình đang tăng lên, nhưng kéo dài không đáng kể bốn giai đoạn này của đời người, và chủ yếu chỉ kéo dài ở giai đoạn cuối. Bốn giai đoạn ấy, theo Daniel J. Levinson (1978), William Strauss và Neil Howe (1997), và Guobin Yang (2016), bao gồm:

(1) Thời niên thiếu (0-20 tuổi): sinh ra, lớn lên, được nuôi dưỡng, học tập, tiếp thu các giá trị và truyền thống.

(2) Thời thanh niên (21-41 tuổi): trưởng thành, khởi nghiệp, lập gia đình, đóng vai trò xã hội, mà Daniel J. Levinson (1978) cho đây là thời diêm hóa giải được xung đột cảm xúc của thời thơ ấu nhưng phải vất vả đối phó với các yêu cầu của gia đình, công việc, và cộng đồng.

(3) Thời trung niên (42-60 tuổi): nắm quyền quản lý hoặc là các chuyên gia, phát huy tối đa vai trò xã hội, định hướng và chuyển giao các giá trị.

(4) Thời lão niên (61 trở đi): một số tiếp tục làm việc, một số lui vào hậu trường, đóng vai trò cố vấn, và chuyển dần sang trạng thái phụ thuộc.

Theo đó, có thể lần lượt áp dụng tính chu kỳ của thời gian, tính chu kỳ của thể hệ, và tính chu kỳ của vòng đời người để nghiên cứu tính quy luật của các biến cố xã hội, các đặc trưng thể hệ, và các đặc trưng vòng đời người. Chẳng hạn, về tính chu kỳ của thời gian, rằng một chu kỳ hiện nay kéo dài 80 năm, đồng nghĩa với hai biến cố lớn của loài người sẽ cách nhau 80 năm, từ đó có thể dự đoán rằng vào năm 2025, hoặc chậm nhất là đến 2030, sẽ có một xung đột lớn xảy ra trên thế giới, kể từ năm 1945 khi Thế chiến II kết thúc. Một vài chỉ dấu đầu tiên của chu kỳ khủng hoảng này mà chúng ta đang chứng kiến, mang tính báo hiệu, phải chăng đó là cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, dịch COVID-19 đang lan rộng ở nhiều nước, và các thảm họa môi trường?

4. Một số gợi ý cho giáo dục đại học

Thứ nhất, cần căn cứ vào đặc điểm thể hệ, vòng đời người để có kế hoạch giáo dục phù hợp; vì mỗi thể hệ, mỗi giai đoạn đời người có những đặc điểm khác nhau, do đó phải quan tâm, thúc đẩy, và đổi xử khác nhau, có kế hoạch giáo dục khác nhau nhằm phát huy ưu điểm, hạn chế nhược điểm đối với mỗi thể hệ, mỗi giai đoạn đời người.

Đối với đặc điểm thể hệ, hầu hết sinh viên hiện nay đều thuộc các thể hệ cuối Y và đầu Z, nên họ có sự pha trộn giữa các đặc điểm của Gen Y (đang nổi trội) với Gen Z (mới xuất hiện): điều kiện thuận lợi, tính thực tế cao, xã hội hóa rộng, chìm đắm

công nghệ, bất ổn dễ dãi, chỉ tiêu vượt trội, coi trọng vật chất, khát vọng lớn lao. Nhà giáo dục cần căn cứ vào các đặc điểm này để định hướng và triển khai công tác giáo dục đúng đối tượng, đúng phương pháp.

Đối với đặc điểm vòng đời người, nhà giáo dục cần tập trung vào cuối giai đoạn thứ nhất và đầu giai đoạn thứ hai (vì sinh viên đang ở các giai đoạn này), chú trọng giáo dục nghề nghiệp, hoàn thiện nhân cách, hình thành khả năng tự học suốt đời, chuẩn bị cho sinh viên bước vào thời kỳ trưởng thành và lập nghiệp.

Bản thân sinh viên cũng cần biết kế thừa và đổi mới như một sự nối tiếp thể hệ để phát triển: kế thừa thể hệ trước, phát huy sức mạnh của thể hệ mình; tích cực học tập, rèn luyện, và đổi mới. Điều này cũng tương đồng với quan điểm mà Hegel (1807) đưa ra, rằng để phát triển, phải đi qua hai lần phủ định, dường như lặp lại cái cũ nhưng trên cơ sở cao hơn.

Thứ hai, chú trọng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong hoạt động dạy và học; bởi Gen Y là người tiên phong kỹ thuật số, còn Gen Z là công dân kỹ thuật số thực sự (Steven Mowforth, 2018). Neha Parashar và Farida Rasiwala (2018) đánh giá cao vai trò của phương tiện truyền thông xã hội qua cách mà Gen Y và Gen Z sử dụng nó. Cho nên, hệ thống giáo dục cần có phản ứng tích cực với giới trẻ vốn lớn lên trọn vẹn trong thế giới công nghệ số, nhận diện và chia sẻ những gì mà giới trẻ đang quan tâm (Frances Valintine, 2018).

Trước hết, cần thay đổi nhận thức về phương pháp giáo dục đại học hiện nay trong bối cảnh sinh viên ưa thích sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và ứng dụng di động để giao tiếp (Hasan

Denizalp và Fezile Ozdamli, (2019). R. Nandhakumar (2019) cho biết, trung bình sinh viên dành 10-12 giờ/ngày trên mạng. Lakni C. Tennakoon và cộng sự (2018) nhận thấy Gen Z thích tìm kiếm trên Internet vì bốn lý do chính: bảo mật, phản hồi, chất lượng, tiện lợi. Mas Anom Abdul Rashid và Azman Othman (2019) gọi đó là “hành vi công nghệ” và được 79% sinh viên thực hiện. Giữa Gen Z và công nghệ là không thể tách rời: họ sử dụng nhiều thông tin nhất mọi thời đại, tìm thấy chính mình, khám phá thế giới, kết bạn, giao tiếp, học hỏi, và chơi cùng công nghệ. Hiện tượng này quyết định xu hướng dạy và học, tái định hình phương pháp và hệ thống đại học. Theo Clare E. Thomas (2019), công nghệ kỹ thuật số ngày càng trở thành tiêu chuẩn trong trải nghiệm dạy và học ở đại học. Phương pháp dạy học như giảng lý thuyết, thuyết trình power point sẽ dần trở thành truyền thống, và do đó phải được bổ sung bằng công nghệ số để phù hợp với sinh viên thế hệ mới.

Tiếp đến, cần khai thác tính năng của các thiết bị di động và các ứng dụng trong giáo dục đại học, vì sinh viên sử dụng các thiết bị di động khá phổ biến (Sonal Dekhane và cộng sự, 2020). Cụ thể, Pragati Chaudhari và cộng sự (2020) đề xuất, chatbot (tác nhân đàm thoại thông minh) nếu được tích hợp với website

sẽ tạo ra một hệ thống giúp sinh viên truy vấn thông tin. Bên cạnh đó là các ứng dụng như Facebook, WhatsApp, Instagram, và Twitter cũng hỗ trợ đáng kể việc dạy và học. Ryan Michael Flores Oducado (2019) cho biết, sinh viên sử dụng Facebook ở mức độ vừa phải cho mục đích giao tiếp, chia sẻ tài liệu học tập; nhiều sinh viên Gen Z sử dụng Instagram để học tiếng Anh (Muhammad Sandy Al Fath và Aris Sugianto, 2018). Bên cạnh đó, sử dụng các ứng dụng dạy học trực tuyến sẽ cho phép sinh viên truy cập nội dung khóa học và tài nguyên khá tiện lợi. Kết hợp lớp học trực tiếp truyền thống với lớp học trực tuyến hiện đại, tài liệu in với tài liệu số, sẽ đưa lại cả cơ hội lẫn thách thức cho giảng viên và sinh viên.

Thứ ba, giáo dục đại học phải dựa trên tinh thần học tập độc lập, hay học tập tự quyết; do mục đích thực sự của giáo dục đại học hiện đại là sự trưởng thành của sinh viên thay vì chuyển giao kiến thức (Craig Klafter, 2020). Để trưởng thành, sinh viên cần phải biết học tập độc lập. Ya Yee The và Moy Tow Yoon (2018) chú trọng hình thức học tập hợp tác vì có thể tận dụng được các sinh viên có kinh nghiệm học tập. Camille Huser và cộng sự (2019), Brian P. Coppola và Jason K Pontrello (2020) cũng cho rằng, nên khuyến khích sinh viên tự tạo ra tài

Bảng 1. Thứ tự ưu tiên lựa chọn việc làm của ba thế hệ gần đây

Thứ tự ưu tiên	Baby Boomers	Gen X	Gen Y
1	Công ty nổi tiếng	Mức lương cạnh tranh	Mức lương cạnh tranh
2	Chính sách ưu đãi	Cơ hội học hỏi	Cơ hội học hỏi
3	Mức lương cạnh tranh	Tên tuổi công ty	Môi trường quốc tế
4	Cơ hội thăng tiến	Cân bằng công việc và cuộc sống	Tên tuổi công ty
5	Tên tuổi công ty	Cơ hội thăng tiến	Cân bằng công việc và hoạt động xã hội

Nguồn: Hay Group (2011)

Bảng 2. Nhu cầu của các thế hệ trong đời sống

Các thế hệ truyền thống	Coi trọng quyền lực, làm việc chăm chỉ, "hãy là người hùng", "làm hoặc làm mà không cần".
Baby Boomers	Tham công tiếc việc, "là bất cứ điều gì bạn muốn là", "tuổi trẻ vĩnh cửu- nghỉ hưu như tư do".
Gen X	Không phụ thuộc quyền lực, muốn được lắng nghe, "không tính toán", cân bằng giữa cuộc sống với công việc.
Gen Y	Nhu cầu được tôn trọng, "ban thật đặc biệt", "đạt được ngay bây giờ", am hiểu công nghệ, định hướng mục tiêu và thành đạt.
Gen Z	Công dân kỹ thuật số, ra quyết định nhanh, kết nối cao, hướng đích

Nguồn: Tolbize (2008)

nguyên học tập trực tuyến dành cho sinh viên. Tại Việt Nam, sinh viên vẫn thường tự xây dựng kiến thức, phát triển tính độc lập thông qua việc thực hiện các bài thuyết trình, video clip, sơ đồ, bảng biểu, tiểu luận... mà với công nghệ hiện đại, có thể khuyến khích họ chia sẻ chúng trên mạng. Đối với sinh viên Gen Z, giảng viên cần thu hút họ bằng cách hình thành sự tôn trọng lẫn nhau và chia sẻ trách nhiệm học tập, việc này đòi hỏi giảng viên phải tìm ra những cách dạy mới về cả nội dung lẫn hình thức. Cách đánh giá cũng cần thay đổi, sao cho khuyến khích được các sinh viên vượt trội, vì sự mong đợi vượt trội sẽ có ảnh hưởng tích cực đến họ.

Thứ tư, nội dung giảng dạy phải hướng tới tính thực tế; vì đặc điểm của sinh viên Gen Y và Gen Z là đề cao tính thực tế, tính ứng dụng, và sáng tạo. Bảng 1 cho thấy thứ tự ưu tiên khi lựa chọn việc làm: có một sự khác biệt đáng kể giữa Gen X và Gen Y với Baby Boomers, khi Gen X và nhất là Gen Y nghiêng sang các tiêu chí về lợi ích cá nhân thay vì quan tâm đến các tiêu chí chung như Baby Boomers.

Bảng 2 thể hiện rằng Gen Y và Gen Z rất quan tâm đến cơ hội khẳng định bản thân, và do am hiểu công nghệ nên họ yêu thích những gì mới mẻ nhất, để ra mục đích rõ ràng và nhanh chóng thực hiện.

Qua đó, có thể nhận định rằng giáo dục đại học cần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, và phương pháp có tính thực tế, vì đây là điều họ cần khi vào đại học để chuẩn bị cho việc gia nhập thị trường việc làm tương lai. Một bằng chứng khác về tính thực tế là nghiên cứu của Seval E. Küçüktepe (2014) về hành vi gian lận của sinh viên hiện nay, cho thấy họ thường không cảm thấy hối tiếc khi gian lận nếu đề thi yêu cầu câu trả lời chỉ phụ thuộc vào ghi nhớ, hoặc nếu họ tin rằng kiến thức đó không có ích cho sự nghiệp hoặc cuộc sống tương lai của mình. Cho nên, hướng đích là kỳ vọng của sinh viên Gen Y và Gen Z đối với trường đại học, có vai trò gần như quyết định trong việc lựa chọn ghi danh vào trường nào.

5. Kết luận

Không phải ngẫu nhiên mà các quan niệm cổ xưa và lý thuyết khoa học lại quan tâm đến tính chu kỳ của thời gian, của thế hệ, và của vòng đời người, vì nó vừa phản ánh một cách nhìn mới, vừa đem tới những hiểu biết ở một khía cạnh khác về thế giới và con người. Đặc biệt, những hiểu biết này sẽ đem lại cho chúng ta một số gợi ý hữu ích cho giáo dục đại học. Với tư cách một hệ thống, trường đại học cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa mục tiêu của mình với nhu cầu của xã hội. Với tư cách

một trung tâm giáo dục, trường đại học cần tạo ra các kênh tương tác hiện đại hơn giữa giảng viên với sinh viên. Nếu trường đại học cung cấp không gian hoạt động rộng hơn cho sinh viên, sẽ khuyến khích họ trở thành công dân tích cực sau này, và đưa được bài học vào cuộc sống (Thomas Andrew Bryer và cộng sự, 2020).

Vấn đề tinh chu kỳ được giới khoa học quốc tế ngày càng chú ý nhiều hơn. không chỉ về lý thuyết mà về cả thực tiễn. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về cùng chủ đề là hầu như chưa có, cho nên bài viết này có tính gợi mở ban đầu về một hướng đi mới đang xuất hiện trong khoa học ■

Tài liệu tham khảo

1. Bryer, Thomas Andrew and Cristian Plisocoff, Cristian Plisocoff, Ashley Wilt Connors, 2020. *Student Engagement In book: Promoting Civic Health Through University-Community Partnerships*. Springer, New York, pp 171-178
2. Censorius, 234 *De the natoli Romi*.
3. Chauhan, Progen and Tarun Wakharkar, Sunil Kote, Arjun Gaiwad, Nikhil Ghulde, 2020. *Student Information Chatbot System International Journal for Research in Applied Science & Engineering Technology*. Vol 8, Issue II, pp 491-492
4. Coppola, Brian P and Jason K Pontrello, 2020. *Student-Generated Instructional Materials*. In book: *Active Learning in College Science*. Springer, New York, pp 385-407
5. Dekhane, Sonal and Mia Yin Tsot, Cynthia Johnson, 2020. *Mobile Application Development by Students to Support Student Learning Mobile Devices in Education: Breakthroughs in Research and Practice*. IGI Global, USA, pp 578-598
6. Demetop, Hasan and Fezile Ozkalan, 2019. *Determination of Student Opinions on Usage of Social Media and Mobile Tools in Student-Teacher, Student-Student Communication*. International Journal of Emerging Technologies in Learning. Vol 14, No 22, pp 19-28
7. Diamond, Jared, 1993. *The Third Chimpanzee*. Harper Perennial, New York.
8. Nguyễn Dữ, *Truyện ký: mui lục*. *Trúc Khê dịch*. *Nhà Trẻ*, 2016, TP Hồ Chí Minh
9. Estler, Anthony, 1982. *Generations in History: An Introduction to the Concept*. New York.
10. Fath, Muhammed Saoud Al and Aris Sugianto, 2018. *Investigating Gen Z students' perceptions on the use of Instagram to improve vocabulary: Conference: The 2nd INACEL (International Conference on English Language Teaching)*. IAIN Palangka Raya, Indonesia
11. Hegel, G W F. 1807. *Hiện tượng học tinh thần*. *Bìa Văn Nam Sơn dịch*. *Nhà Văn học*, Hà Nội, 2006
12. Husser, Camille and Leah Marks, Aileen Lum, Sarah Meek, 2019. *Student-Created Online Teaching Resources for Students*. In book: *Biomedical Visualization*. Vol 4, pp 37-46.
13. Klafitin, Craig, 2020. *Underp adult Education and the Maturation of Students*. Springer, New York
14. Kuznetsov, Sevil E., 2014. *College Students' Chatting Behavior: Social Behavior and Personality*. 42, pp 101-111
15. Levinson, Daniel J., 1978. *The Seasons of a Man's Life*. Ballantine Books
16. Mowforth, Steven, 2018. "The world is your oyster": Exploring the career conceptions of Gen-Z students. *Journal of the National Institute for Career Education and Counselling*. Issue 41
17. Nandhakumar, R., 2019. *A study on the Learning Pattern of Generation-Z (Gen-Z) & their perception on Curriculum, Course Delivery and Infrastructure*. International Journal of Management and Social Sciences. Vol 9, pp 625-634.
18. Needham, Joseph, 1965. *Time and Eastern Man*. Royal Anthropological Institute of Great Britain & Ireland
19. Oducaho, Ryan Michael Flores, 2019. *Facebook for Educational Purposes among Gen Z Nursing Students: A Positive or Negative Disruptive Innovation? Conference: International Conference of Nurses 2019*. West Visayas State University, Cebu City, Philippines
20. Parashar, Neha and Farida Raswala, 2018. *A Study on Usage and Awareness of Social Media and Digital Wallets in Banking Sector with special reference to Gen Y and Gen Z*. *Japriana International Journal of Management Research*. Vol 4, No 2, pp 59-69.
21. Rashid, Mas Anom Abdul and Azman Othman, 2019. *Technology Intensity: The Extend of Malaysian Generation Z Dependency on Technology: Conference: Issues and Challenges in Business and Accounting*. Kuala Lumpur, Malaysia
22. Strains, William and Neil Howe, 1991. *Generations: A History of America's Future, 1584-2069*. William Morrow and Company, New York
23. Strains, William and Neil Howe, 1997. *The Fourth Turning: An American Prophecy*. Broadway Books, New York.
24. Tennakoon, Lakshmi C. and Niranjala Tennakoon, Janani M Laszmitika, 2018. *An Assessment of the Role of the Interview as a Tool for Searching a Job by Generation Z*. *Conference: International Conference on Management Research*. Sri Lanka
25. The, Ya Yee and Moy Tow Yoon, 2018. *Evaluation of Cooperative Learning: Does it Enhance Learning Among the Gen Learners? Conference: International Conference on Education*. Vol 4, pp 28-38.
26. Thomas, Clae E., 2019. *Teacher and student experiences in learning*. *Pacific Journal of Technology: Enhanced Learning*. Vol 2, No 1
27. Toffler, Alvin, 1980. *Third Wave*. William Morrow and Company, New York: 29-10
28. Tolbee, A., 2008. *Generational Differences in the Workplace*. University of Minnesota. *Research and Training Center on Community Living*
29. Toyne, Arnold, 1934-1961. *A Study of History*. Vol VIII, 1934. *Heroic Ages, Contacts between Civilizations in Space/Encounters between Contemporaries*. Oxford University Press
30. Valintine, Frances, 2018. *Educating Gen Z in a digital world*. *Conference: ANZEA Conference*. Wapuna Lodge, Auckland, New Zealand
31. Vandegift, Dorcie, 2015. "We don't have any limits": Russian young adult life narratives through a social generational lens. *Journal of Youth Studies*. (2), pp 1-16.
32. Yang, Guobin, 2016. *The Red Guard Generation and Political Activism in China*. Columbia University Press, New York.